

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 06/2024/HS-PT
Ngày: 22-01-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo **Trần Thái K** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2023/HS-ST ngày 17-11-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thái K, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số G, ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn L**, sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1969; vợ: **Phạm Thị D**, sinh năm 1990; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 21/8/2023 chuyển sang tạm giam đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 18/8/2023, **Trần Thái K** điều khiển xe ô tô biển số 71A-093.24 chở **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 2005, đến Cửa hàng mắt kính số 01 **Bến Tre ở Số A, Khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre** để **N** mua kính áp tròng. Tại Cửa hàng mắt kính, **N** được chị **Hà Thị H1** là chủ cửa hàng tư vấn cho **N** về việc mua kính. Trong lúc chị **H1** và **N** đang trao đổi mua bán, **K** thấy chiếc điện thoại Iphone 14 ProMax màu trắng, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng của chị **H1** để

trên tủ trưng bày kính nên nảy sinh ý định lấy trộm. Để thực hiện ý định, đợi lúc chị **H1** lấy kính áp tròng giao cho **N** thì **K** liền lấy chiếc điện thoại Iphone 14 ProMax màu trắng của chị **H1** đem ra xe ô tô để vào ngăn chứa đồ dùng gần vị trí lái xe của **K**. Sau đó, **K** điều khiển xe ô tô chở **N** về nhà tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và **K** về nhà của **K** ở xã L, huyện G. Khi về đến nhà, **K** đem điện thoại lấy trộm của chị **H1** bỏ vào cốp xe mô tô biển số 71H4-3109 và điều khiển xe mô tô lưu thông trên Quốc lộ E, đến đoạn thuộc địa phận xã P, huyện H, tỉnh Bến Tre, **K** bị lực lượng Công an thành phố B phối hợp Công an xã P tuần tra phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng, đồ vật thu giữ:

- Thu giữ của **Trần Thái K**:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax 128 GB, màu trắng, số I: 359761974616355;

+ 01 (một) ốp lưng bằng nhựa màu trắng;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 71H4-3109, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đỏ, đen, bạc, số khung 49Y-506234, số máy 2E-0626008;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu **S** J7 Pro, số Imei 356446084126866;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu **S** GalaxyJ4+, số Imei 352987108459746;

+ 01 (một) nón kết lưỡi trai màu đen có chữ “CALISURFCO”.

- Thu giữ của **Nguyễn Thị Ngọc N**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone SX Max màu vàng, ốp lưng màu xanh, phía sau có gắn con gấu bằng nhựa, số Imei 35310110224631.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 632/KL-HĐĐG ngày 21/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max 128 GB màu trắng, số Imei: 359761974616355, trị giá ngày 18/8/2023 là 21.500.000 đồng.

- 01 (một) ốp lưng bằng nhựa màu trắng, trị giá ngày 18/8/2023 là 50.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre đã xử lý vật chứng, đồ vật như sau:

- Trả cho bị hại **Hà Thị H1**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max 128 GB màu trắng, số Imei 359761974616355 và 01 (một) ốp lưng bằng nhựa màu trắng, vào ngày 06/9/2023. Hiện bị hại **H1** không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Trả cho **Nguyễn Thị Ngọc N** 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone SX Max màu vàng, ốp lưng màu xanh, phía sau có gắn con gấu bằng nhựa, số Imei 35310110224631, vào ngày 11/9/2023.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thái K** phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thái K** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 29/11/2023 bị cáo **Trần Thái K** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Trần Thái K** phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Trần Thái K** 09 tháng tù là phù hợp; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Thái K** 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có con nhỏ bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: khoảng 09 giờ 00 phút ngày 18/8/2023, tại Cửa hàng mắt kính **số A Bến Tre ở Số A, Khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**, bị cáo **Trần Thái K** có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị **Hà Thị H1** 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu trắng trị giá 21.500.000 đồng, 01 ốp lưng bằng nhựa màu trắng trị

giá 50.000 đồng, tổng cộng 21.550.000 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại với tổng trị giá 21.550.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Trần Thái K** phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như “*phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; và đang *nuôi con nhỏ* theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo phạm tội thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên; xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, ngay giữa ban ngày tại Cửa hàng mắt kính có mặt của chủ sở hữu, chỉ vì giây phút mất cảnh giác mà chủ sở hữu đã bị bị cáo chiếm đoạt tài sản, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị đến 21.550.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng lúc đầu tưởng điện thoại của chị **N** nên lấy bỏ túi, sau đó biết không phải điện thoại của chị **N** mà là điện thoại của bị hại **H1** nên dự định đem trả nhưng chưa trả thì bị phát hiện bắt giữ, lời khai này của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận, mà chỉ nhằm quanh co trốn tránh trách nhiệm, chưa tỏ ra thành khẩn khai báo; hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn gây hoang mang, bức xúc trong nhân dân; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra, tại cấp phúc thẩm bị cáo cũng không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Trần Thái K**; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 93/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thái K** 09 (chín) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2023.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo **Trần Thái K** phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam (1b);
- UBND xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông